

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BUÔN HỒ  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/DS- ST

Ngày 02- 11-2021

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Minh Chức.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Tài và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nông Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 02/11/2021, tại Phòng xét xử, trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST-DS ngày 15/10/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị L, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 69/23 Nguyễn Đình Ch, tổ dân phố 2, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình B; (Văn bản ủy quyền ngày 29/3/2021); Địa chỉ: Số 865A, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Nguyệt H; Địa chỉ: Số 69/50 Nguyễn Đình Ch, tổ dân phố 2, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đình B trình bày: Giữa bà L và bà Trần Thị Nguyệt H có mối quan hệ là người quen biết; Vào năm 2020, bà Trần Thị Nguyệt H có vay của bà L tổng số tiền là 25.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng). Các lần vay và thời hạn trả nợ cụ thể như sau:

Ngày 29/6/2020, bà H vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng); Ngày 24/7/2020 (4/7 AL) vay thêm số tiền 2.000.000đ. Thời hạn trả nợ chậm nhất đến ngày 29/9/2020;

Ngày 12/8/2020, bà H vay số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng). Thời hạn trả nợ chậm nhất đến ngày 12/10/2020;

Cả các lần vay nói trên, lãi suất đều do hai bên thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Quá trình vay hai bên có lập giấy vay tiền viết tay và không cầm cố, thế chấp tài sản gì.

Tuy nhiên, đến nay đã quá hạn trả nợ, mặc dù bà L đã nhiều lần yêu cầu bà H trả số tiền nói trên cho bà L nhưng bà H cố tình chây ỳ, trốn tránh không chịu trả nợ cho bà L như đã thỏa thuận.

Vậy nay bà L khởi kiện tại tòa án thị xã Buôn hồ đề nghị giải quyết như sau:

Buộc bà Trần Thị Nguyệt H phải trả cho bà L số tiền nợ gốc là 25.000.000đ và lãi suất phát sinh từ ngày vay, cụ thể như sau:

\* Đối với khoản vay ngày ngày 29/6/2020:  $5.000.000 \times 8 \text{ tháng } 27 \text{ ngày}$  (tính từ ngày 29/6/2020- 26/3/2021)  $\times 20 \text{ \%/ năm} = 732.000 \text{ đồng}$ .

\* Đối với khoản tiền vay ngày 24/7/2020:  $2.000.000 \times 8 \text{ tháng } 2 \text{ ngày}$  (tính từ ngày 24/7/2020- 26/3/2021)  $\times 20 \text{ \%/ năm} = 265.000 \text{ đồng}$ .

\* Đối với khoản vay ngày ngày 12/8/2020:  $18.000.000 \times 7 \text{ tháng } 14 \text{ ngày}$  (tính từ ngày 12/8/2020- 26/3/2021)  $\times 20 \text{ \%/ năm} = 2.209.000 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng: Yêu cầu bà Trần Thị Nguyệt H phải trả số tiền **28.206.000đ** (trong đó: Nợ gốc: 25.000.000đ; Nợ lãi: 3.206.000đ).

Tiếp tục tính lãi suất cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

Tại đơn khởi kiện bà L yêu cầu bà H trả tổng số tiền là 28.206.000đ ,trong đó: Nợ gốc: 25.000.000đ; Nợ lãi: 3.206.000đ, tiền lãi tính từ ngày nghĩa vụ bị vi phạm đến ngày khởi kiện ngày 26/3/2021 với lãi suất 20%/năm.

Nay tại phiên toà bà L thay đổi một phần nội dung khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc bà H phải trả cho bà L số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng và khoản lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

\* Đối với khoản vay:  $5.000.000 \times 01 \text{ năm } 4 \text{ tháng } 03 \text{ ngày}$  (tính từ ngày vay 29/6/2020 đến ngày xét xử 02/11/2021)  $\times 10 \text{ \%/ năm} = 668.000 \text{ đồng}$ .

\* Đối với khoản tiền vay:  $2.000.000 \times 01 \text{ năm } 3 \text{ tháng } 08 \text{ ngày}$  (tính từ ngày vay 24/7/2020 đến ngày xét xử 02/11/2021)  $\times 10 \text{ \%/ năm} = 253.000 \text{ đồng}$ .

\* Đối với khoản vay:  $18.000.000 \times 01 \text{ năm } 02 \text{ tháng } 20 \text{ ngày}$  (tính từ ngày vay 12/8/2020 đến ngày xét xử 02/11/2021)  $\times 10 \text{ \%/ năm} = 2.243.000 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng: yêu cầu bà Trần Thị Nguyệt H phải trả cho bà L tổng số tiền là 28.164.000đ (Trong đó: Nợ gốc là 25.000.000đ, nợ lãi là 3.164.000đ ), và tiếp tục tính lãi suất cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn bà Trần Thị Nguyệt H trình bày:* Vào năm 2020, tôi có vay tiền của bà Đặng Thị L nhiều lần, với tổng số tiền vay là 13.500.000 đồng nợ gốc. Cụ thể như sau: Ngày 02/8/2020 vay số tiền 4.000.000 đồng; Ngày 15/8/2020 vay số tiền 2.500.000 đồng; Ngày 16/9/2020 vay số tiền 3.000.000 đồng; Ngày 11/9/2020 vay số tiền 4.000.000 đồng.

Tôi chỉ còn nợ bà L số tiền 14.480.000 đồng. Cuối năm 2020, tôi có trả thêm cho bà L số tiền 3.000.000 đồng, hiện số tiền tôi còn nợ bà L là 11.480.000 đồng nợ tiền gốc.

Tôi thừa nhận chữ viết, chữ ký trong Giấy vay tiền đề ngày 12/8/2020 vay số tiền 18.000.000 đồng và Giấy vay tiền đề ngày 29/6/2020 vay số tiền 5.000.000 đồng và 2.000.000 đồng là chữ ký của tôi. Tuy nhiên, đối với số nợ 7.000.000 đồng trong giấy vay ngày 29/6/2020 tôi đã trả hết cho bà L, còn số nợ 18.000.000 đồng trong giấy vay tiền ngày 12/8/2020 tôi không vay bà L. Tuy nhiên tại phiên tòa bà H nhớ là vay số tiền 18.000.000đồng, nhưng vay giùm cho người khác và đã trả số tiền đó rồi. Tính đến nay tôi chỉ còn vay bà L số tiền 11.480.000 đồng, hiện nay hoàn cảnh kinh tế của tôi rất khó khăn nên tôi xin trả cho bà L mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị L là có căn cứ nên buộc bị đơn bà Trần Thị Nguyệt H phải trả cho bà Đặng Thị L tổng số tiền 28.164.000đ (Trong đó: Nợ gốc là 25.000.000đ, nợ lãi là 3.164.000đ, tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử 02/11/2021 với mức lãi suất 10%/năm, và tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo quy định cho đến khi bà Trần Thị Nguyệt H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Tranh chấp hợp đồng dân sự” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Do có mối quan hệ quen biết nên bà L có cho bà H vay tiền nhiều lần, cụ thể Ngày 29/6/2020, bà H vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng); Ngày 24/7/2020 (4/7 AL) vay thêm số tiền 2.000.000đ. Thời hạn trả nợ chậm nhất đến ngày 29/9/2020; Ngày 12/8/2020, bà H vay số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng). Thời hạn trả nợ chậm nhất đến ngày 12/10/2020, lãi suất các lần vay do các bên tự thỏa thuận, khi vay các bên có lập văn bản do bà H viết và ký tên, đã quá hạn trả nợ theo thỏa thuận, nhưng bà H chưa trả.

[3] Xét khai nại của bị đơn bà Trần Thị Nguyệt H trong quá trình giải quyết vụ án đã thừa nhận có vay tiền của bà L nhiều lần tổng số tiền vay là 13.500.000 đồng, sau khi trả tiền lãi thì số tiền còn lại 14.480.000đồng. Cuối năm 2020, có trả 3.000.000 đồng, hiện còn nợ bà L là 11.480.000 đồng nợ gốc và thừa nhận chữ viết, chữ ký trong các giấy vay tiền do bà L cung cấp là đúng của bà H, nhưng không thừa nhận số tiền vay 18.000.000 đồng; Tại phiên tòa bà H lại thừa nhận có vay số tiền này (18.000.000 đồng)

nhưng vay giùm cho người khác và đã trả số tiền đó (18.000.000 đồng) cùng số tiền 7.000.000 đồng, thì thấy rằng khi thực hiện giao dịch dân sự bà H là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, thừa nhận có viết và ký tên vào giấy vay tiền, bà H thừa nhận khi viết giấy vay tiền là tự nguyện không có ai ép buộc, như vậy không có căn cứ để cho rằng việc viết, ký giấy vay tiền là ngoài ý muốn hay do bị ép buộc, việc trình bày của bà H về số tiền vay, số tiền đã trả là bất nhất không phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ngoài các yêu cầu trên thì bà H cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ khác để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp cũng như phản bác yêu cầu của người khác về số tiền đã vay số tiền đã trả, nên không có cơ sở để chấp nhận, do đó bà H phải tự chịu hậu quả pháp lý trên cơ sở chứng cứ tài liệu do nguyên đơn cung cấp quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 91, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy việc bà L khởi kiện yêu cầu bà H phải trả cho bà L số tiền đã vay và lãi suất với tổng số tiền là 28.164.000đồng (Trong đó: Nợ gốc là 25.000.000đ, nợ lãi là 3.164.000đ, tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử 02/11/2021 với mức lãi suất 10%/năm cụ thể:  $[-5.000.000đ \times 10\%/năm \times 01 \text{ năm } 4 \text{ tháng } 03 \text{ ngày (tính từ ngày 29/6/2020 đến ngày xét xử 02/11/2021)} = 668.000đ; - 2.000.000đ \times 10\%/năm \times 01 \text{ năm } 03 \text{ tháng } 08 \text{ ngày (tính từ ngày 24/7/2020 đến ngày xét xử 02/11/2021)} = 253.000đ; - 18.000.000đ \times 10\%/năm \times 01 \text{ năm } 02 \text{ tháng } 20 \text{ ngày (tính từ ngày 12/8/2020 đến ngày xét xử 02/11/2021)} = 2.243.000 \text{ đ}]$ . Là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 2 Điều 91, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 96, Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L, buộc bà Trần Thị Nguyệt H phải có nghĩa vụ trả cho bà L tổng số tiền là 28.164.000đ (Trong đó: Nợ gốc là 25.000.000đ, nợ lãi là 3.164.000đ, tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử ngày 02/11/2021 với mức lãi suất 10%/năm.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.*

2. Về án phí: Bà Trần Thị Nguyệt H phải chịu 1.408.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Đặng Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 705.000 đồng theo biên lai thu số 60AA/2021/0007076 ngày 16/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho các bên đương sự có mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Minh Chức**